

Sự chuyển đổi chế độ sở hữu ở Liên Xô trong thế kỷ XX

Nguyễn Ngọc Hà¹, Hoàng Thúc Lân²

¹ Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email:nguyenngocha08@gmail.com

² Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
Email: hoangthuclan@gmail.com

Nhận ngày 18 tháng 8 năm 2017. Chấp nhận đăng ngày 10 tháng 9 năm 2017.

Tóm tắt: Trong thế kỷ XX, Liên Xô có hai lần chuyển đổi chế độ sở hữu: năm 1936 chuyển đổi từ chế độ tư hữu sang chế độ công hữu, năm 1985 lại chuyển đổi từ chế độ công hữu sang chế độ tư hữu. Hai lần chuyển đổi đó đều bắt nguồn chủ yếu từ những nguyên nhân khách quan. Hai lần chuyển đổi chế độ sở hữu là hai sự kiện lớn của Liên Xô và thế giới. Trong lịch sử thế giới, chế độ công hữu chỉ tồn tại và phù hợp ở ít nước trong thời gian ngắn, còn chế độ tư hữu tồn tại và phù hợp ở nhiều nước trong thời gian dài. Tuy nhiên, hai lần chuyển đổi chế độ sở hữu ở Liên Xô trong thế kỷ XX chứng minh rằng, không có nước nào mãi mãi duy trì chế độ tư hữu, cũng không có nước nào mãi mãi duy trì chế độ công hữu.

Từ khóa: Chế độ tư hữu, chế độ công hữu, chủ nghĩa xã hội, cách mạng tháng Mười Nga, Liên Xô.

Phân loại ngành: Triết học

Abstract: In the 20th century, the Soviet Union made changes to the mode of ownership twice: first, in 1936, a change from private to public ownership, and second, in 1985, a change from public back to private ownership. The transformations, stemming mainly from objective causes, were major events for the country and the world. In the world history, public ownership has existed and been appropriate in a small number of countries and for short periods of time, while private ownership has in many countries and for long periods. However, the two times of transformation of ownership in the Soviet Union proved that no countries maintain either private or public ownership in a perpetual manner.

Keywords: Private ownership, public ownership, (Russian) October Revolution, Soviet Union.

Subject classification: Philosophy

1. Giới thiệu

Quan hệ sở hữu là cơ bản nhất trong các quan hệ giữa người với người. Hình thức pháp lý của quan hệ sở hữu là chế độ sở hữu. Chế độ sở hữu (về tư liệu sản xuất) gồm có chế độ công hữu và chế độ tư hữu³. Trong thế kỷ XX, Liên Xô có hai lần chuyển đổi chế độ sở hữu. Quá trình chuyển đổi từ chế độ tư hữu sang chế độ công hữu (xóa bỏ chế độ tư hữu) bắt đầu diễn ra từ ngay sau Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917, có bước dừng khi thực hiện Chính sách kinh tế mới, được đẩy mạnh sau Đại hội XIV của Đảng Cộng sản Liên Xô tháng 12 năm 1925, hoàn thành năm 1936. Quá trình chuyển đổi từ chế độ công hữu sang chế độ tư hữu (phục hồi chế độ tư hữu) bắt đầu diễn ra từ năm 1985 khi Liên Xô tiến hành công cuộc cải tổ⁴. Xóa bỏ chế độ tư hữu và phục hồi chế độ tư hữu là hai sự kiện lớn của Liên Xô trong thế kỷ XX. Hai sự kiện này tuy có nội dung trái ngược nhau nhưng đều là hệ quả tất yếu của sự phát triển xã hội ở Liên Xô.

2. Xóa bỏ chế độ tư hữu

Xóa bỏ chế độ tư hữu là tư tưởng cơ bản của chủ nghĩa cộng sản. Trong “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản” C.Mác và Ph.Ăngghen đã khẳng định như vậy khi viết rằng, “những người cộng sản có thể tóm tắt lý luận của mình thành một luận điểm duy nhất này là: xóa bỏ chế độ tư hữu”. Tư tưởng xóa bỏ chế độ tư hữu tuy đã xuất hiện từ cách đây hàng ngàn năm (khi tính bất hợp lý của chế độ tư hữu biểu hiện rõ),

nhưng lần đầu tiên mới được hiện thực hóa ở Liên Xô trong thế kỷ XX. Nguyên nhân dẫn đến việc xóa bỏ chế độ tư hữu ở Liên Xô là gì? Đây là vấn đề lớn và phức tạp. Vấn đề này đã và vẫn đang thu hút sự quan tâm của nhiều nhà khoa học và hoạt động thực tiễn trên thế giới trong 100 năm qua kể từ Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917. Có quan niệm cho rằng việc xóa bỏ chế độ tư hữu ở Liên Xô trong thế kỷ XX là sai lầm. Sau khi Liên Xô tiến hành công cuộc cải tổ, số người theo quan niệm này lại nhiều hơn. Mặc dù vậy, đây vẫn là quan niệm sai lầm.

Để thấy được sự sai lầm của quan niệm trên, chúng ta cần đứng trên cơ sở lý luận khoa học, đó là quan điểm duy vật biện chứng về lịch sử của xã hội (gọi tắt là quan điểm duy vật lịch sử). Theo quan điểm này, lịch sử của xã hội là hoạt động có mục đích của mọi người, mục đích mà mỗi người theo đuổi hàng ngày là chủ quan và có thể bị thay đổi đột ngột dưới tác động của các nhân tố ngẫu nhiên; tuy vậy, kết quả tổng hợp hoạt động của mọi người lại là khách quan; trong nghiên cứu về lịch sử, “vấn đề không phải là nghiên cứu những động cơ của các cá nhân riêng lẻ, dù đó là những cá nhân xuất sắc đi nữa, mà là nghiên cứu những động cơ đã lay chuyển những khối quần chúng đông đảo, những dân tộc trọn vẹn, rồi đến những giai cấp trọn vẹn trong mỗi dân tộc; những động cơ đã đẩy họ không phải đến chỗ tiến hành những cuộc nổi dậy, nhất thời theo kiểu lửa rom chóng tắt, mà đến chỗ tiến hành những hành động lâu dài đưa đến những biến đổi lịch sử vĩ đại” [9, tr.438]. Khi áp dụng quan điểm duy vật lịch sử vào việc nghiên cứu sự kiện xóa bỏ chế độ tư hữu ở Liên Xô trong thế kỷ XX, chúng ta sẽ thấy rằng: nguyên nhân

chủ yếu của sự kiện xóa bỏ chế độ tư hữu ở Liên Xô trong thế kỷ XX là hoạt động của khối đông đảo quần chúng theo đuổi nhu cầu và lợi ích của họ; sự kiện đó tất yếu xuất hiện (có thể bằng cách này hay cách khác) dù cho có hay không có các yếu tố may mắn ngẫu nhiên nào đó, chẳng hạn dù cho người lãnh đạo tối cao của Liên Xô là V.I.Lênin, J.Stalin hay là những người khác. Xã hội Liên Xô trong giai đoạn này có mâu thuẫn giữa khối quần chúng đông đảo muốn xóa bỏ chế độ tư hữu, mâu thuẫn này đến cuối Chiến tranh thế giới thứ nhất đã chuyển biến theo hướng ưu thế sức mạnh thuộc về khối quần chúng đông đảo muốn xóa bỏ chế độ tư hữu. Khi hai lực lượng đấu tranh với nhau vì một cái gì đó, phần thắng đương nhiên sẽ thuộc về lực lượng có sức mạnh áp đảo. Vì vậy, sự kiện xóa bỏ chế độ tư hữu ở Liên Xô là kết quả tất yếu của việc giải quyết mâu thuẫn trên.

Trong thời kỳ xóa bỏ chế độ tư hữu, Liên Xô đã đạt được nhiều thành tựu to lớn; đặc biệt trong khoảng 15 năm trước Chiến tranh thế giới thứ hai, Liên Xô có sự phát triển thần kỳ về kinh tế. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu, Liên Xô cũng có nhiều hạn chế (do sai lầm chủ quan). Trước đây, thành tựu thường được thổi phồng, còn hạn chế thường được che giấu. Ngày nay, do sự thật lịch sử được công khai nhiều hơn, nên thành tựu và hạn chế được nhìn nhận một cách chính xác hơn. Mặc dù vậy, chúng ta cũng không thể phủ nhận rằng thành tựu là chủ yếu vì Liên Xô từ một nước có trình độ phát triển trung bình đã trở thành một siêu cường. Nếu nhìn nhận đúng thành tựu của Liên Xô trong thời kỳ xóa bỏ chế độ tư hữu thì

chúng ta sẽ không thể phủ nhận tính tất yếu của việc xóa bỏ chế độ tư hữu.

Tư tưởng xóa bỏ chế độ tư hữu đối lập với tư tưởng không xóa bỏ chế độ tư hữu. Để đánh giá tư tưởng xóa bỏ chế độ tư hữu hay tư tưởng không xóa bỏ chế độ tư hữu là đúng đắn thì cần căn cứ vào kết quả hiện thực hóa hai tư tưởng ấy. Bởi vì, tư tưởng của con người chỉ đạo hành động của con người; nếu tư tưởng đúng đắn thì hành động thành công (tư tưởng trở thành hiện thực hay được hiện thực hóa); nếu tư tưởng sai lầm thì hành động thất bại (tư tưởng không trở thành hiện thực hay không được hiện thực hóa); sự thành công hay thất bại của hành động là căn cứ để khẳng định tư tưởng là đúng đắn hay sai lầm. Trên thực tế, trong giai đoạn 1936 - 1985, tư tưởng xóa bỏ chế độ tư hữu được hiện thực hóa thành công ở Liên Xô; nhưng trong giai đoạn này tư tưởng không xóa bỏ chế độ tư hữu lại được hiện thực hóa thành công ở Mỹ (và một số nước khác). Điều này chứng tỏ rằng trong cùng giai đoạn, tư tưởng xóa bỏ chế độ tư hữu phù hợp ở Liên Xô, còn tư tưởng không xóa bỏ chế độ tư hữu thì phù hợp ở Mỹ. Do đó, khi cho rằng xóa bỏ chế độ tư hữu là hệ quả tất yếu của sự phát triển xã hội ở Liên Xô trong thế kỷ XX, chúng ta cũng phải thừa nhận rằng điều đó không phải là hệ quả tất yếu của sự phát triển xã hội ở mọi nước khác trong giai đoạn này.

Tóm lại, sự kiện xóa bỏ chế độ tư hữu ở Liên Xô trong thế kỷ XX tuy có nguyên nhân khách quan và chủ quan, nguyên nhân tất yếu và nguyên nhân ngẫu nhiên, nguyên nhân từ sự tác động của quần chúng đông đảo và nguyên nhân từ sự tác động của lãnh tụ quần chúng, nhưng trong đó nguyên nhân khách quan, nguyên nhân tất yếu, nguyên

nhân từ sự tác động của quần chúng đông đảo là chủ yếu. Vì thế, có thể khẳng định rằng, sự kiện đó là hệ quả tất yếu của sự phát triển xã hội ở Liên Xô.

3. Phục hồi chế độ tư hữu

Từ đầu những năm 1970, nền kinh tế Liên Xô bắt đầu rơi vào tình trạng trì trệ và ngày càng tụt hậu so với các nước tư bản chủ nghĩa. Tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế từ năm 1951 đến năm 1970 là 5,1%; nhưng từ năm 1971 đến năm 1975 chỉ còn 3,0%; từ năm 1976 đến năm 1980 chỉ còn 1,9%; từ năm 1981 đến năm 1985 giảm xuống còn 1,8% [10, tr.92]. Sự trì trệ về kinh tế làm cho mức sống của nhân dân Liên Xô thấp hơn so với các nước tư bản chủ nghĩa. Vì sao có tình trạng này?

Sự trì trệ về kinh tế của Liên Xô từ đầu những năm 1970 có nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó có hai nguyên nhân khách quan chủ yếu sau. *Thứ nhất*, công dân không được quyền tự do kinh doanh; từ đó có sự lãng phí to lớn về nguồn tài lực và nguồn nhân lực nhân rồi trong nhân dân. *Thứ hai*, nhiều người mắc bệnh lười biếng (với các biểu hiện như thiếu tích cực, thiếu trách nhiệm, dựa dẫm vào người khác, cha chung không ai khóc, quan liêu, tham nhũng, lãng phí, dối trá...). Bệnh lười biếng của con người, đặc biệt của người quản lý, gây tác hại lớn đối với sự phát triển xã hội. Bệnh này ở giai đoạn trước (khi Liên Xô đứng trước nguy cơ bị một số nước khác xâm lược) cơ bản được khắc phục bằng nhiều biện pháp đặc biệt về chính trị và tư tưởng. Nhưng các biện pháp đặc biệt này lại không thể áp dụng được trong giai đoạn từ đầu những năm 1970 trở

đi (khi Liên Xô không còn khả năng bị xâm lược), do đó bệnh lười biếng dễ dàng bùng phát. Bệnh lười biếng bùng phát trong chế độ công hữu là điều bất ngờ đối với những người mác xít⁵. Vì sao? Bởi vì, theo quan niệm mác xít, trong chế độ tư hữu, người lao động bị bóc lột, do bị bóc lột nên họ không hăng hái lao động, do không hăng hái lao động nên họ không tạo ra năng suất lao động cao (so với tiềm năng của công cụ lao động); trong chế độ công hữu thì ngược lại, người lao động không còn bị bóc lột, do không bị bóc lột nên họ hăng hái lao động, do hăng hái lao động nên họ tạo ra năng suất lao động cao. Thực tế ở Liên Xô từ đầu những năm 1970 trở đi đã không hoàn toàn chứng minh cho quan niệm này.

Hai nguyên nhân nói trên đều liên quan đến việc xóa bỏ chế độ tư hữu. Điều này không khó nhận ra. Chính vì thế, để khắc phục tình trạng trì trệ về kinh tế, từ năm 1985 Liên Xô lựa chọn giải pháp phục hồi chế độ tư hữu⁶. Muốn xóa bỏ chế độ tư hữu thì phải có thời gian nhiều năm và có sự trấn áp mạnh mẽ của nhà nước đối với người bị tước đoạt tài sản. Nhưng để phục hồi chế độ tư hữu thì nhà nước chỉ cần cho phép mọi công dân đều được quyền sở hữu cá nhân (quyền tư hữu) về tư liệu sản xuất với quy mô không hạn chế (nếu có) và đều được quyền tự do thuê lao động để kinh doanh và làm giàu (trong những lĩnh vực nào đó). Phục hồi chế độ tư hữu tuy cũng gây ra những thay đổi lớn về kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, nhưng không dẫn đến xung đột xã hội lớn như việc xóa bỏ chế độ tư hữu.

Trong khoảng thời gian Liên Xô phục hồi chế độ tư hữu, các nước Đông Âu, Trung Quốc, Mông Cổ, Việt Nam, Lào cũng phục hồi chế độ tư hữu. Trung Quốc⁷ phục hồi chế độ tư hữu từ năm 1978. Việt

Nam⁸ phục hồi chế độ tư hữu từ năm 1986. Cuba trong vài năm gần đây cũng chủ trương tư nhân hóa một số đơn vị kinh tế thuộc sở hữu nhà nước. Thực tế đó càng chứng tỏ tính tất yếu của việc phục hồi chế độ tư hữu ở Liên Xô.

Trong việc phục hồi chế độ tư hữu ở Liên Xô, có đóng góp của M.X.Goochbachôp. Tuy nhiên, dù có hay không có đóng góp của M.X.Goochbachôp thì nhân dân Liên Xô vẫn tiến hành phục hồi chế độ tư hữu. Bởi vì, công cuộc cải tổ không phải đi từ trên xuống, mà đi từ dưới lên; nó xuất phát từ nhu cầu và lợi ích của đông đảo nhân dân và do đông đảo nhân dân thực hiện. Việc phục hồi chế độ tư hữu đương nhiên kéo theo sự thay đổi về chính trị theo nhiều cách khác nhau. Cách thay đổi về chính trị ở Liên Xô có thể phù hợp hay không phù hợp với mong muốn của chúng ta. Tuy vậy, chúng ta vẫn không thể phủ nhận tính tất yếu của việc phục hồi chế độ tư hữu.

Hầu hết các nước hiện nay đều áp dụng chế độ tư hữu. Chế độ sở hữu phù hợp hiện nay là chế độ tư hữu, chứ không phải là chế độ công hữu. Nhưng chế độ tư hữu không phải là vĩnh viễn. Bởi vì, chế độ sở hữu nào cũng có mặt hợp lý và mặt bất hợp lý. Chế độ tư hữu khi tích tụ mặt bất hợp lý nhiều đến một mức độ nhất định thì sẽ bị thay thế bằng chế độ công hữu. Ngược lại cũng như vậy.

Liên Xô xóa bỏ chế độ tư hữu năm 1936, rồi lại phục hồi chế độ tư hữu năm 1985; đó là phủ định của phủ định chế độ tư hữu. Phủ định của phủ định chế độ tư hữu là một trường hợp cụ thể của quy luật phủ định của phủ định. Theo quy luật này, sự thay đổi của thế giới nói chung và xã hội nói riêng là sự nối tiếp của các giai đoạn khác nhau, trong đó giai đoạn sau là sự phủ định của

giai đoạn trước liền kề và lặp lại các giai đoạn trước theo chu kỳ sau hai lần phủ định. Nếu căn cứ vào tiêu chí có hay không có chế độ tư hữu, thì lịch sử xã hội đã và sẽ diễn ra theo con đường: từ không có chế độ tư hữu (giai đoạn thứ nhất) đến có chế độ tư hữu (giai đoạn thứ hai), đến không có chế độ tư hữu (giai đoạn thứ ba), đến có chế độ tư hữu (giai đoạn thứ tư) và cứ thế tiếp tục. Lịch sử của mọi cộng đồng (bộ tộc, dân tộc, quốc gia, khu vực) đều diễn ra theo con đường này. Không có trường hợp nào ngoại lệ. Việc Liên Xô xóa bỏ chế độ tư hữu và sau vài chục năm lại phục hồi chế độ tư hữu là việc làm phù hợp với quy luật trên. Không chỉ Liên Xô mà các nước khác cũng sẽ như vậy.

Trước Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917, nhiều người lầm tưởng rằng chế độ tư hữu là vĩnh viễn. Khi Liên Xô còn hùng mạnh, nhiều người lầm tưởng rằng chế độ công hữu ở Liên Xô là vĩnh viễn, chế độ tư hữu trên toàn thế giới sắp kết thúc (đang giãy chết). Khi Liên Xô phục hồi chế độ tư hữu, nhiều người lại lầm tưởng rằng việc xóa bỏ chế độ tư hữu ở Liên Xô là sai lầm và chế độ tư hữu là vĩnh viễn. Hai lần chuyển đổi chế độ sở hữu ở Liên Xô trong thế kỷ XX chứng tỏ rằng không có chế độ sở hữu nào là vĩnh viễn; không có nước nào mãi mãi duy trì chế độ tư hữu; cũng không có nước nào mãi mãi duy trì chế độ công hữu.

4. Kết luận

Hai lần chuyển đổi chế độ sở hữu ở Liên Xô trong thế kỷ XX gắn liền với sự hình thành và sự mất đi của một mô hình chủ nghĩa xã hội⁹. Mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô với đặc trưng xóa bỏ chế độ tư hữu

là mô hình lý tưởng đối với một loạt nước. Tuy mô hình này đã sụp đổ, nhưng chế độ công hữu vẫn là điều mong muốn của hàng triệu người. Trong thế kỷ XX, thế giới có nhiều sự kiện xã hội gây chấn động lớn, trong đó có sự kiện xóa bỏ chế độ tư hữu (ở Liên Xô, Trung Quốc và một số nước khác) và sự kiện phục hồi chế độ tư hữu (ở hầu hết những nước đã xóa bỏ nó). Hai sự kiện này đều bắt nguồn từ Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917. Để nhận thức đúng bản chất của hai sự kiện lớn lao và phức tạp ấy, chúng ta cần đứng trên quan điểm duy vật biện chứng về thế giới nói chung và quan điểm duy vật biện chứng về lịch sử của xã hội nói riêng. Khi đó, chúng ta có thể thừa nhận rằng, hai lần chuyển đổi chế độ sở hữu ở Liên Xô trong thế kỷ XX đều phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể của Liên Xô lúc đó. Mặc dù chế độ công hữu chỉ tồn tại và phù hợp ở ít nước trong thời gian không dài, hơn nữa hầu hết các nước xóa bỏ chế độ tư hữu đều đã phục hồi chế độ tư hữu, nhưng sự kiện xóa bỏ chế độ tư hữu ở Liên Xô trong thế kỷ XX và ở một số nước khác được khởi đầu từ Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 vẫn còn nguyên ý nghĩa lịch sử to lớn của nó, vì lần đầu tiên nó chứng minh rằng chế độ tư hữu không phải là vĩnh viễn.

Chú thích

³ Trong chế độ công hữu, mọi tư liệu sản xuất đều là tài sản chung, mọi người đều không có quyền tư hữu về tư liệu sản xuất. Trong chế độ tư hữu, tư liệu sản xuất có thể là tài sản riêng của các cá nhân, mọi người đều có quyền tư hữu về tư liệu sản xuất (nếu có). Xóa bỏ chế độ tư hữu (bằng cách quốc hữu hóa và tập thể hóa dưới nhiều hình thức khác nhau) có nghĩa là thiết lập chế độ công hữu. Những nước có thành phần kinh

tế tư nhân là những nước có chế độ tư hữu (mặc dù ở những nước này có cả thành phần kinh tế nhà nước). Ở những nước có chế độ công hữu, một số ít tư liệu sản xuất vẫn có thể là tài sản riêng của cá nhân. Sự phân biệt giữa chế độ công hữu và chế độ tư hữu tuy trên lý thuyết là hoàn toàn rõ ràng, nhưng trên thực tế lại không hoàn toàn rõ ràng.

⁴ Năm 1937, ở Liên Xô “chỉ còn lại thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa bao gồm kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể”, “thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa này đã bao gồm 93% tổng số hộ nông dân với 99% diện tích canh tác trong nông nghiệp, đã chiếm 99,8% sản lượng công nghiệp và 100% mức chu chuyển bán lẻ” [10, tr.86]. Đại hội VIII các Xô viết của Liên Xô (họp vào tháng 1 năm 1936) đã thông qua Hiến pháp mới, trong đó ghi nhận rằng, Liên Xô hoàn thành việc xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa và chuyển dần sang xã hội cộng sản chủ nghĩa. Vì vậy, có thể coi năm 1936 là thời điểm Liên Xô hoàn thành quá trình xóa bỏ chế độ tư hữu.

⁵ Bệnh lười biếng trong chế độ công hữu đã được cảnh báo từ những người phản đối chủ nghĩa cộng sản. Trong “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”, C.Mác và Ph.Ăngghen có nói đến sự cảnh báo này với hàm ý phê phán. Các ông viết: “Người ta còn phản đối lại rằng xóa bỏ chế độ tư hữu thì mọi hoạt động sẽ ngừng lại, thì bệnh lười biếng sẽ phổ biến, sẽ ngự trị”, “Nếu quả như vậy thì xã hội tư sản phải sụp đổ từ lâu rồi do tình trạng lười biếng, vì trong xã hội ấy, những người lao động thì không được hưởng, mà những kẻ được hưởng lại không lao động”.

⁶ Năm 1985, Liên Xô lựa chọn biện pháp cải tổ để thúc đẩy sự phát triển kinh tế. Công cuộc cải tổ do M.X.Gorbachốp khởi xướng và được mở đầu tại Hội nghị toàn thể Ủy ban trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô (họp vào tháng 4 năm 1985). Đại hội XXVII và các Hội nghị trung ương tiếp theo đã cụ thể hoá nội dung của công cuộc cải tổ, trong đó có chủ trương chuyển nền kinh tế từ cơ chế tập trung sang cơ chế thị trường. Để chuyển

nền kinh tế từ cơ chế tập trung sang cơ chế thị trường thì cần phải thừa nhận chế độ tư hữu. Vì vậy, có thể coi năm 1985 là thời điểm Liên Xô tiến hành quá trình phục hồi chế độ tư hữu.

⁷ Năm 1956, Trung Quốc “đã cơ bản hoàn thành cải tạo xã hội chủ nghĩa”, “kinh tế công hữu xã hội chủ nghĩa chiếm tới 93%”, “kinh tế tư doanh từ 6,9% giảm xuống chỉ còn dưới 0,1%, kinh tế cá thể giảm từ 71,8% xuống còn 7,1%”. Vì vậy, có thể coi năm 1956 là thời điểm Trung Quốc hoàn thành quá trình xóa bỏ chế độ tư hữu, quá trình này bắt đầu diễn ra từ ngay sau khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời năm 1949 [10, tr.124]. Nếu coi chủ nghĩa xã hội là xã hội về kinh tế có chế độ công hữu, có nền sản xuất đại công nghiệp cơ khí, không nhất thiết có lực lượng sản xuất cao hơn chủ nghĩa tư bản, thì Trung Quốc trong giai đoạn từ năm 1949 đến năm 1957 (khi thiết lập xong chế độ công hữu) không phải là nước xã hội chủ nghĩa (vì chưa có chế độ công hữu); từ năm 1957 đến năm 1978 (khi tiến hành cải cách) cũng không phải là nước xã hội chủ nghĩa (vì tuy có chế độ công hữu nhưng chưa có nền sản xuất công nghiệp cơ khí); từ năm 1978 đến nay cũng không phải là nước xã hội chủ nghĩa (vì tuy có nền sản xuất công nghiệp cơ khí nhưng lại có chế độ tư hữu).

⁸ Năm 1960, miền Bắc Việt Nam đã có 84,8% tổng số hộ nông dân lao động gia nhập các hợp tác xã bậc thấp và bậc cao, chiếm 76% diện tích canh tác; gần 90% tổng số thợ thủ công trong diện cải tạo đã tham gia các hợp tác xã thủ công nghiệp bậc vừa và thấp; 60% tổng số người buôn bán nhỏ, làm dịch vụ thuộc diện cải tạo đã tham gia hợp tác xã, tổ mua bán, làm đại lý cho thương nghiệp quốc doanh và trên 10.000 người đã chuyển sang sản xuất; 47% cơ sở thương nghiệp và 100% cơ sở công nghiệp tư bản tư doanh thuộc diện cải tạo đã được tổ chức thành các xí nghiệp công tư hợp doanh, xí nghiệp hợp tác [10, tr.142-143]. Vì vậy, có thể coi năm 1960 là thời điểm miền Bắc Việt Nam hoàn thành quá trình xóa bỏ chế độ tư hữu, quá trình này bắt đầu diễn ra từ năm 1954 (khi hòa bình lập lại). Nếu coi chủ nghĩa xã hội là xã hội về kinh tế có chế độ công hữu,

có nền sản xuất đại công nghiệp cơ khí, không nhất thiết có lực lượng sản xuất cao hơn chủ nghĩa tư bản, thì miền Bắc Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1960 không phải là nước xã hội chủ nghĩa (vì chưa có chế độ công hữu); từ năm 1960 (khi thiết lập xong chế độ công hữu) đến năm 1986 (khi tiến hành đổi mới) cũng không phải là nước xã hội chủ nghĩa (vì tuy có chế độ công hữu nhưng không có nền sản xuất công nghiệp cơ khí). Việt Nam từ năm 1986 đến nay (giống như Trung Quốc) không phải là nước xã hội chủ nghĩa (vì tuy có nền sản xuất công nghiệp cơ khí nhưng lại có chế độ tư hữu). Các nước Anh, Pháp, Mỹ chưa bao giờ là nước xã hội chủ nghĩa (vì tuy có nền sản xuất công nghiệp cơ khí nhưng lại không có chế độ công hữu).

⁹ Khái niệm chủ nghĩa xã hội có nhiều nghĩa khác nhau. Trong “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”, C.Mác và Ph.Ăngghen cho rằng, chủ nghĩa xã hội đã từng được sử dụng với các nghĩa như chủ nghĩa xã hội phong kiến, chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản, chủ nghĩa xã hội Đức, chủ nghĩa xã hội bảo thủ, chủ nghĩa xã hội tư sản, chủ nghĩa xã hội không tưởng. Ngoài các nghĩa này, khái niệm chủ nghĩa xã hội còn có nhiều nghĩa khác. Chẳng hạn, có thể nói đến chủ nghĩa xã hội kiểu Nam Tư và chủ nghĩa xã hội kiểu Miến Điện (vì Nam Tư có tên là Cộng hòa Liên bang xã hội chủ nghĩa Nam Tư, Miến Điện có tên là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Liên bang Miến Điện). Trong sách báo triết học mác xít, khái niệm chủ nghĩa xã hội được sử dụng ít nhất với hai nghĩa sau đây. *Thứ nhất*, chủ nghĩa xã hội là xã hội về kinh tế có chế độ công hữu, có nền sản xuất đại công nghiệp cơ khí, có lực lượng sản xuất cao hơn chủ nghĩa tư bản (C.Mác sử dụng khái niệm chủ nghĩa xã hội theo nghĩa này). *Thứ hai*, chủ nghĩa xã hội là xã hội về kinh tế có chế độ công hữu, có nền sản xuất đại công nghiệp cơ khí, không nhất thiết phải có lực lượng sản xuất cao hơn chủ nghĩa tư bản. Nếu khái niệm chủ nghĩa xã hội được sử dụng với nghĩa thứ nhất thì Liên Xô chưa từng là nước xã hội chủ nghĩa (vì tuy có chế độ công hữu và có nền sản xuất đại công nghiệp cơ khí, nhưng không có lực lượng sản xuất cao hơn các nước tư bản chủ

nghĩa phát triển nhất cùng thời). Nếu khái niệm chủ nghĩa xã hội được sử dụng với nghĩa thứ hai thì trong giai đoạn từ năm 1936 đến năm 1985 Liên Xô là nước xã hội chủ nghĩa (vì có chế độ công hữu và có nền sản xuất đại công nghiệp cơ khí) và từ năm 1985 trở đi không phải là nước xã hội chủ nghĩa (vì tuy có nền sản xuất đại công nghiệp cơ khí nhưng lại có chế độ tư hữu). Ở bài viết này, chúng tôi sử dụng khái niệm chủ nghĩa xã hội theo nghĩa thứ hai nói trên và từ đó cho rằng chủ nghĩa xã hội đã từng được hiện thực hóa ở Liên Xô trong giai đoạn từ năm 1936 đến năm 1985.

Tài liệu tham khảo

- [1] Hoàng Chí Bảo (1993), *Chủ nghĩa xã hội hiện thực: Khủng hoảng, đổi mới và xu hướng phát triển*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [2] Z.Brzezinski (1992), *Thất bại lớn: Sự ra đời và cái chết của chủ nghĩa cộng sản trong thế kỷ XX*, Viện Thông tin Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [3] Phạm Văn Chúc (1994), “Về thành tựu và cống hiến lịch sử của chủ nghĩa xã hội hiện thực”, *Tạp chí Cộng sản*, số 1.
- [4] Nguyễn Trọng Chuân, Phạm Văn Đức, Hồ Sĩ Quý (Đồng chủ biên) (1997), *Những quan điểm của C.Mác - Ph.Ăngghen - V.I.Lênin về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5] Đavit M. Koto (1996), “Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội nhà nước ở Liên Xô: những bài học cho chủ nghĩa xã hội tương lai”, *Tạp chí Thông tin công tác tư tưởng*, số 12.
- [6] Dương Phú Hiệp (Chủ biên) (2001), *Tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [7] M.X.Goochbachóp (1987), *Cải tổ: sự nghiệp cấp bách*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [8] Nhị Lê (1998), “Chủ nghĩa xã hội đã lỗi thời hay là sự lỗi thời của một cách nhìn về chủ nghĩa xã hội”, *Tạp chí Cộng sản*, số 18.
- [9] C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, t.21, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [10] Lê Hữu Tầng (Chủ biên) (2003), *Chủ nghĩa xã hội: Từ lý luận đến thực tiễn. Những bài học kinh nghiệm chủ yếu*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [11] Nguyễn Văn Thúc (1990), “Góp phần tìm hiểu nguyên nhân khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội”, *Tạp chí Triết học*, số 4.
- [12] Phùng Hữu Phú, Lê Hữu Nghĩa, Nguyễn Văn Hiền, Nguyễn Việt Thông (Đồng chủ biên) (2016), *Một số vấn đề lý luận - thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam qua 30 năm đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [13] Phạm Ngọc Quang (1992), “Tìm hiểu nguyên nhân sụp đổ của Liên bang Xô viết”, *Tạp chí Triết học*, số 4.
- [14] Nguyễn Duy Quý (2001), “Thời đại ngày nay vẫn là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội”, *Tạp chí Triết học*, số 3.
- [15] Nguyễn Duy Quý (Chủ biên) (1998), *Những vấn đề lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

